

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1425/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 23 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nội dung và mức chi thực hiện mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng (Dự án 4) thuộc Chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Quyết định 267/QĐ-TTg ngày 22/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Thông tư số 181/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/12/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt Chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Công văn số 292/BVCSTE-BVTE ngày 29/6/2012 của Cục Bảo vệ chăm sóc trẻ em - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng và thực hiện các dự án, mô hình thuộc Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015;

Xét đề nghị của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 960/TTr-SLĐTBXH ngày 30/7/2013 và ý kiến thống nhất của Sở Tài chính (tại Công văn số 1591/STC-HCSN ngày 16/7/2013),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định nội dung và mức chi thực hiện Dự án xây dựng và nhân rộng các mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng (Dự án 4) thuộc Chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015”.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Quang Nhất

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nội dung và mức chi thực hiện Dự án xây dựng và nhân rộng các mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng (Dự án 4) thuộc Chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

I. Nội dung và mức chi cụ thể

1. Hỗ trợ tiền tàu xe:

- Hỗ trợ tiền tàu xe cho cán bộ trẻ em đưa trẻ em chuyển tuyến trong trường hợp khẩn cấp đến điểm tạm lánh hoặc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh để chăm sóc tạm thời chờ giải quyết; hoặc đến cơ sở y tế gần nhất (cấp cứu). Mức chi theo giá cước phương tiện công cộng, xe cấp cứu (của cơ sở y tế) hoặc chi phí xăng xe thực tế (nếu đơn vị bố trí xe vận chuyển).

- Hỗ trợ tiền tàu xe cho các em có hoàn cảnh đặc biệt trở về gia đình, nơi cư trú: Mức hỗ trợ theo giá cước phương tiện công cộng.

- Chi chế độ công tác phí cho cán bộ đi kèm trẻ em: Theo quy định tại Nghị quyết số 56/2012/NQ-HĐND ngày 14/9/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về việc sửa đổi một số quy định về quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được ban hành kèm theo Nghị quyết số 160/2010/NQ-HĐND ngày 18/10/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Hỗ trợ tiền ăn cho trẻ lang thang, lao động xa gia đình, trẻ bị bạo lực, ngược đãi, xâm hại, trẻ bị bắt cóc, buôn bán, mại dâm, người chưa thành niên vi phạm pháp luật, ... trở về gia đình hoặc nơi cư trú:

- Tiền ăn cho trẻ trên đường trở về gia đình hoặc nơi cư trú: Mức hỗ trợ 40.000 (Bốn mươi nghìn) đồng/em/ngày, tối đa không quá 03 ngày.

- Tiền ăn cho trẻ trong thời gian lưu trú tại cơ sở: Trẻ cần sự bảo vệ khẩn cấp trong thời gian lưu trú tại cơ sở chờ giải quyết được trợ cấp tiền ăn mức 40.000 (Bốn mươi nghìn) đồng/em/ngày, thời gian tối đa không quá 30 ngày. Nếu trường hợp đặc biệt, cần kéo dài thời gian lưu trú tại cơ sở phải có quyết định của cơ quan có thẩm quyền và được áp dụng mức hỗ trợ tiền ăn bằng với mức của đối tượng được nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội là 480.000 (Bốn trăm tám mươi

ngàn) đồng/người/tháng theo Quyết định số 2220/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Phú Yên.

- Hỗ trợ chi phí mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết cho trẻ em trong thời gian lưu trú tại cơ sở (quần áo, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải, thuốc đánh răng, xà phòng...): Mức chi tối đa không quá 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng/em.

- Hỗ trợ tiền thuốc chữa bệnh thông thường cho trẻ trong thời gian lưu trú tại cơ sở bị bệnh. Mức chi theo thực tế phát sinh nhưng không quá 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng/em/ngày.

- Hỗ trợ giải quyết khó khăn đời sống trước mắt cho các em thuộc hộ nghèo (theo quy định về chuẩn nghèo do Thủ tướng Chính phủ quyết định): Mức hỗ trợ tối thiểu 240.000 (Hai trăm bốn mươi nghìn) đồng/em/tháng, thời gian tối đa không quá 03 tháng. (Áp dụng theo Thông tư số 86/2008/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 06/10/2008 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội).

3. Hỗ trợ chi phí điều trị bệnh, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho trẻ em bị xâm hại tình dục, bị bạo lực:

Hỗ trợ 1 lần, không quá 2.000.000 (Hai triệu) đồng/em (kể cả trường hợp trẻ em bị xâm hại tình dục, bị bạo lực dẫn đến tử vong). Quyết toán thực tế theo chứng từ của cơ sở y tế công lập. Trong đó, kể cả chi phí bồi dưỡng cho chuyên gia tâm lý tư vấn điều trị phục hồi các tổn thương về tâm lý đối với trẻ em bị xâm hại tình dục, bạo lực 50.000đồng/buổi, tối đa không quá 10 buổi (nếu có).

4. Hỗ trợ học nghề, giới thiệu việc làm:

a) Đối tượng: Trẻ em từ 15 tuổi trở lên là đối tượng của dự án (trẻ em từ trường giáo dưỡng về, trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, trẻ bị xâm hại tình dục, lao động trẻ em,...) có trình độ học vấn, sức khỏe phù hợp với nghề cần học và có nhu cầu học nghề được cơ quan Lao động-Thương binh và Xã hội cấp huyện giới thiệu đến các Trung tâm, Trường dạy nghề tại địa phương để học nghề ngắn hạn. Trẻ được hỗ trợ kinh phí học nghề một lần. Thời gian hỗ trợ theo số tháng thực tế đào tạo của từng nghề.

b) Mức hỗ trợ: Thực hiện theo Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 01/6/2011 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành danh mục, chương trình khung và mức chi đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dạy nghề dưới 3 tháng tại các cơ sở dạy nghề về mức hỗ trợ kèm nghề, truyền nghề tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Riêng đối với các nghề chưa có trong danh mục đào tạo hiện hành thì áp dụng mức hỗ trợ tối đa của nhóm ngành đào tạo ứng.

c) Giới thiệu việc làm: Liên hệ và giới thiệu miễn phí đến các tổ chức, đơn vị và cá nhân có nhu cầu tuyển dụng lao động vào làm việc với những ngành nghề theo quy định.

5. Hỗ trợ học tập:

Được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm 2014-2015.

Ngoài ra, được hỗ trợ quần áo, đồ dùng học tập hoặc tiền mặt cho trẻ bị bạo lực và bị xâm hại tình dục, nhóm có nguy cơ cao vào đầu năm học mới có nguy cơ bỏ học hoặc trong trường hợp các em đã nghỉ học nay tiếp tục đi học trở lại ở các trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc học bổ túc văn hóa tại địa phương. Mức chi không quá 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng/em/1 lần (Áp dụng theo Thông tư số 86/2008/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 06/10/2008 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Quyết định số 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại nguy hiểm giai đoạn 2004-2010).

6. Hỗ trợ chi phí đi lại cho trẻ khuyết tật khám lọc bệnh, phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 48/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 26/4/2013 của liên Bộ: Tài chính - Lao động-Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020.

7. Hỗ trợ vốn sản xuất: Hỗ trợ vốn sản xuất cho gia đình có trẻ lang thang, trẻ lao động xa nhà, hồi gia, trẻ em ra khỏi lao động nặng nhọc độc hại nguy hiểm, trẻ bị ảnh hưởng hoặc nhiễm HIV/AIDS, trẻ em làm trái pháp luật từ trường giáo dưỡng về, trẻ bị bỏ rơi, trẻ khuyết tật không được hưởng trợ cấp theo Nghị định 67/2007NĐ-CP của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội,... bị bạo lực, xâm hại thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ 1 lần không quá 2.000.000 (Hai triệu) đồng/em. Có Giấy biên nhận của gia đình hoặc chứng từ hợp lệ, có xác nhận của UBND cấp xã.

8. Phụ cấp cho cộng tác viên kiêm nhiệm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn, buôn, khu phố (đối với các xã thực hiện mô hình; mỗi thôn, buôn, khu phố 1 cộng tác viên):

Số lượng: Mỗi thôn 01 người.

Mức hỗ trợ: 80.000 (Tám mươi nghìn) đồng/người/ tháng (Thực hiện theo Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh Phú Yên).

9. Chi lập hồ sơ: Hỗ trợ lập hồ sơ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại tình dục, trẻ em bị bạo lực, trẻ em có nguy cơ cao rơi vào hoàn cảnh đặc biệt để tổ chức các hoạt động cung cấp và kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em ở Trung tâm công tác xã hội trẻ em cấp tỉnh, Văn phòng tư vấn cấp huyện, Điểm tư vấn ở cộng đồng, Trường học và một số điểm bảo vệ trẻ em hợp pháp khác. Mức chi 30.000 (Ba mươi nghìn) đồng/hồ sơ (bao gồm cả ảnh).

10. Hoạt động của Ban chỉ đạo và tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo bảo vệ trẻ em cấp tỉnh, cấp huyện:

+ Ban chỉ đạo cấp tỉnh và tổ chuyên viên giúp việc cấp tỉnh: 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng/người/tháng;

+ Ban điều hành cấp huyện, thị xã, thành phố: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/người/tháng.

(Bằng mức hỗ trợ hoạt động cho Ban chỉ đạo và Tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và giải quyết việc làm giai đoạn 2011-2016 tỉnh Phú Yên, theo Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 21/9/2011 của Hội đồng nhân dân Tỉnh).

- Hỗ trợ họp, công tác phí chi theo quy định tại Nghị quyết số 56/2012/NQ-HĐND ngày 14/9/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về việc sửa đổi một số quy định về quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được ban hành kèm theo Nghị quyết số 160/2010/NQ-HĐND ngày 18/10/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.

Các hoạt động khác thực hiện Chương trình Bảo vệ trẻ em thực hiện theo Thông tư số 181/2011/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 15/12/2011 của liên Bộ: Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và các định mức chi khác theo quy định tài chính hiện hành.

II. Quản lý, cấp phát, quyết toán kinh phí và báo cáo

Việc quản lý, cấp phát và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản của Nhà nước có liên quan và văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có.

Các đơn vị sử dụng kinh phí của Chương trình bảo vệ trẻ em phải mở sổ sách kế toán để ghi chép, hạch toán và quyết toán nguồn kinh phí của chương trình cấp cho đơn vị theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành.

Giao Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện nội dung của Quy định này; chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan,

UBND các huyện, thị xã, thành phố có triển khai thực hiện thí điểm xây dựng dự án cung cấp dịch vụ các mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng đã được UBND tỉnh phê duyệt; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hàng năm về UBND tỉnh và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của quy định, đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố có triển khai thực hiện thí điểm xây dựng các mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng phản ánh kịp thời về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phù hợp./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Quang Nhất

**MÔ HÌNH BẢO VỆ TRẺ EM DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
GIAI ĐOẠN 2013-2015**

*(Kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/8/2013
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Đơn vị	Tên mô hình
1	Xã Hòa Hiệp Trung - huyện Đông Hòa	Mô hình trợ giúp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi, trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng.
2	Xã Hòa Hiệp Nam - huyện Đông Hòa	Phòng ngừa, trợ giúp trẻ em lang thang, trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại dựa vào cộng đồng.
3	Xã An Ninh Tây - huyện Tuy An	Trợ giúp trẻ em bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng.
4	Xã An Nghiệp - huyện Tuy An	Trợ giúp trẻ em bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng.
5	Xã Ea Chà Rang - huyện Sơn Hòa	Trợ giúp trẻ em bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng.
6	Xã Krông Pa - huyện Sơn Hòa	Trợ giúp trẻ em bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng.
7	Thị trấn Hai Riêng - huyện Sông Hinh	Mô hình phòng ngừa trợ giúp trẻ em, người chưa thành niên vi phạm pháp luật dựa vào cộng đồng.
8	Xã Đức Bình Đông - huyện Sông Hinh	Trợ giúp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, chăm sóc trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng.
9	Xã Hòa Đồng - huyện Tây Hòa	Phòng ngừa, trợ giúp trẻ em lang thang, trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại dựa vào cộng đồng.
10	Xã Hòa Thịnh - huyện Tây Hòa	Phòng ngừa, trợ giúp trẻ em lang thang, trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại dựa vào cộng đồng.
11	Phường 1 - thành phố Tuy Hòa	Trợ giúp trẻ em bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng.
12	Phường 2 - thành phố Tuy Hòa	Phòng ngừa, trợ giúp trẻ em lang thang, trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, bị xâm hại tình dục và trẻ em bị bạo lực gia đình dựa vào cộng đồng.

Tổng cộng: 12 xã, phường, thị trấn (12 mô hình)